

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chỉ số cải cách hành chính năm 2016
của các cơ quan Trung ương; các sở, ban, ngành và
UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh quy định về theo dõi đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính và Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định, xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2016 tại Tờ trình số 01/TTr-HĐTĐ ngày 27/02/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố, cụ thể như sau:

1. Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của Khối các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh

Vị trí	Tên cơ quan	Chỉ số CCHC năm 2016	Xếp loại
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	96.0	Xuất sắc
2	Cục Hải quan tỉnh	94.0	Xuất sắc
3	Cục Thuế tỉnh	92.0	Xuất sắc
4	Kho bạc Nhà nước tỉnh	91.5	Xuất sắc
4	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	91.5	Xuất sắc
Giá trị trung bình		93.0	

2. Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của Khối các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

Vị trí	Tên cơ quan	Chỉ số CCHC năm 2016	Xếp loại
1	Sở Tài chính	97.5	Xuất sắc
2	Ban Quản lý Khu kinh tế	96.0	Xuất sắc
3	Sở Thông tin và Truyền thông	95.0	Xuất sắc
4	Sở Công Thương	93.5	Xuất sắc
5	Thanh tra tỉnh	93.0	Xuất sắc
6	Sở Xây dựng	92.0	Xuất sắc
7	Văn phòng UBND tỉnh	91.0	Xuất sắc
8	Sở Nội vụ	90.5	Tốt
9	Sở Giao thông vận tải	89.5	Tốt
10	Sở Tư pháp	89.0	Tốt
11	Sở Y tế	88.5	Tốt
11	Sở Ngoại vụ	88.5	Tốt
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	87.5	Tốt
14	Sở Khoa học và Công nghệ	87.0	Tốt
14,	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	87.0	Tốt
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	86.0	Tốt
17	Sở Văn hóa và Thể thao	78.5	Khá
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	78.5	Khá
19	Ban Dân tộc	77.0	Khá
20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	73.5	Khá
Giá trị trung bình		88.0	

3. Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của Khối các huyện, thị xã, thành phố

Vị trí	Tên địa phương	Chỉ số CCHC năm 2016	Xếp loại
1	Huyện Tuy Phước	84.5	Tốt
2	Thành phố Quy Nhơn	84.0	Tốt

Vị trí	Tên địa phương	Chỉ số CCHC năm 2016	Xếp loại
3	Thị xã An Nhơn	82.5	Tốt
4	Huyện Vĩnh Thạnh	80.0	Khá
5	Huyện Hoài Nhơn	79.0	Khá
6	Huyện An Lão	75.5	Khá
7	Huyện Hoài Ân	75.0	Khá
7	Huyện Phù Cát	75.0	Khá
9	Huyện Tây Sơn	74.0	Khá
10	Huyện Phù Mỹ	73.5	Khá
11	Huyện Vân Canh	51.5	Trung bình
Giá trị trung bình		75.9	

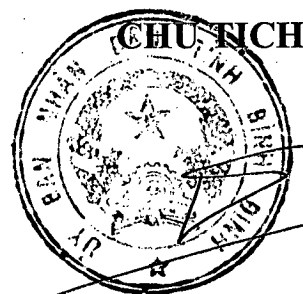
(Kèm theo Báo cáo tóm tắt và các Phụ lục)

Điều 2. Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố là cơ sở để đánh giá và xét khen thưởng thành tích thực hiện công tác cải cách hành chính theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /: *yh* / *16/*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đài PT và TH Bình Định;
- Báo Bình Định;
- Trung tâm Công báo;
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT, K12. *me*



Hồ Quốc Dũng

BÁO CÁO
Kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2016
của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số **714** /QĐ-UBND
ngày **07** /3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016

1. Công tác tổ chức thực hiện

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành Kế hoạch số 1911/KH-SNV ngày 27/12/2016 triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Đối tượng đánh giá gồm:

+ Khối các cơ quan Trung ương: Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Hải quan, Cục Thuế, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh và Bảo hiểm Xã hội tỉnh.

+ Khối các sở, ban, ngành thuộc tỉnh: 20 sở, ban, ngành.

+ Khối các huyện, thị xã, thành phố: 11 huyện, thị xã, thành phố.

2. Tổ chức tự đánh giá và kiểm tra, thẩm định

- Triển khai tự đánh giá: Các cơ quan, đơn vị đã theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2016 theo các chỉ số thành phần, thang điểm theo quy định tại Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh.

- Tổ chức thẩm định, xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2016: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2673/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 thành lập Hội đồng thẩm định là lãnh đạo các cơ quan: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Pháp chế HĐND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông.

Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 1911/KH-SNV ngày 27/12/2016 phân công 09 Đoàn công tác tiến hành kiểm tra, thẩm định kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính tại 05 cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh, 20 sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, 11/11 huyện, thị xã, thành phố.

- Căn cứ trên các báo cáo chuyên đề về nội dung Chỉ số thành phần liên quan và sự tham vấn chuyên môn của Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ; qua kết quả kiểm tra, thẩm định và tài liệu kiểm chứng, Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC của tỉnh đã

tổ chức thảo luận, đánh giá nghiêm túc, khách quan để thống nhất thông qua, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Chỉ số CCHC năm 2016 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016 CỦA CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Chỉ số cải cách hành chính năm 2016

Vị trí	Tên cơ quan	Kết quả tự chấm	Kết quả thẩm định	Xếp loại
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	98.5	96.0	Xuất sắc
2	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	99.0	94.0	Xuất sắc
3	Cục Hải quan tỉnh	98.5	92.0	Xuất sắc
4	Kho bạc Nhà nước tỉnh	96.0	91.5	Xuất sắc
4	Cục Thuế tỉnh	98.0	91.5	Xuất sắc
	Giá trị trung bình		93.0	

Giá trị trung bình Chỉ số CCHC của Khối các cơ quan trung ương đạt 93.0% tăng hơn so với kết quả năm 2015. Có 05/05 đơn vị đều được xếp loại **Xuất sắc**, Bảo hiểm Xã hội tỉnh tiếp tục là đơn vị đứng đầu với số điểm đạt được là: 96.0 điểm.

Bảng so sánh kết quả Chỉ số cải cách hành chính 03 năm (2014, 2015, 2016) của Khối các cơ quan trung ương

STT	Tên cơ quan	Chỉ số CCHC năm 2014	Chỉ số CCHC năm 2015	Chỉ số CCHC năm 2016	Giá trị tăng/giảm của năm 2016 so với năm 2015
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	95.5	95.5	96.0	0.5
2	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	82.5	88.0	94.0	6.0
3	Cục Hải quan tỉnh	94.0	95.0	92.0	-3.0
4	Kho bạc Nhà nước tỉnh	86.5	89.0	91.5	2.5
5	Cục Thuế tỉnh	82.5	94.0	91.5	-2.5
	Giá trị trung bình	88.2	92.3	93.0	0.7

Qua kết quả chỉ số CCHC của khối cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh trong 3 năm 2014, 2015, 2016 và giá trị tăng giảm của các năm cho thấy:

- Giá trị trung bình Chỉ số CCHC năm 2016 của Khối tăng hơn so với kết quả năm 2015 (92.3%).

- Có 03/05 đơn vị có kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 tăng hơn so với kết quả Chỉ số CCHC năm 2015, cụ thể: Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh và Kho bạc Nhà nước tỉnh. Đặc biệt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh tăng 6 điểm; Kho bạc Nhà nước tỉnh tăng 2,5 điểm so với năm 2015.

- Cục Hải quan, Cục Thuế tỉnh là 02 đơn vị có kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 giảm so với kết quả Chỉ số CCHC năm 2015.

2. Kết quả các Chỉ số thành phần

a) Chỉ số thành phần chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 20.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	19.0	95.0%
2	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	18.0	90.0%
3	Kho bạc Nhà nước tỉnh	17.0	85.0%
4	Cục Thuế tỉnh	16.0	80.0%
5	Cục Hải quan tỉnh	15.5	77.5%
	Điểm số trung bình	17.1	85.5%

Giá trị trung bình năm 2016 là 85.5%. Kết quả cho thấy, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh là những đơn vị thực hiện tốt công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính theo quy định của ngành và của UBND tỉnh.

Các đơn vị: Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế tỉnh và Cục Hải quan cần khắc phục những hạn chế như: xây dựng kế hoạch CCHC, tuyên truyền CCHC; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định; thực hiện gắn công tác cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân.

b) Chỉ số thành phần cải cách thể chế:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 6.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	6.0	100%

2	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	6.0	100%
3	Cục Hải quan tỉnh	6.0	100%
4	Kho bạc Nhà nước tỉnh	6.0	100%
5	Cục Thuế tỉnh	6.0	100%
	Điểm số trung bình	6.0	100%

Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh không có chức năng tham mưu cho HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật nên việc đánh giá cải cách thể chế tập trung vào nội dung đánh giá chất lượng, thực hiện rà soát văn bản do cơ quan ban hành. Kết quả cho thấy, nhìn chung các đơn vị đều thực hiện tốt việc soạn thảo cũng như rà soát văn bản của cơ quan ban hành theo quy định.

c) Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 23.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Cục Hải quan tỉnh	23.0	100%
2	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	22.0	95.7%
3	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	21.0	91.3%
4	Cục Thuế tỉnh	21.0	91.3%
5	Kho bạc Nhà nước tỉnh	20.0	87.0%
	Điểm số trung bình	21.4	93.0%

Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính của các cơ quan đơn vị được đánh giá qua hai tiêu chí: Công tác rà soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan theo quy định. Kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 cho thấy, hầu hết các đơn vị đều thực hiện tương đối tốt công tác rà soát TTHC. Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Hải quan, Cục Thuế tỉnh là những đơn vị thực hiện tốt ở tiêu chí này. Đối với tiêu chí thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, các đơn vị đã thực hiện tốt theo quy định của ngành, tuy nhiên vẫn còn một số đơn vị thực hiện chưa đầy đủ về việc cập nhật sổ sách theo dõi (Kho bạc Nhà nước tỉnh), việc thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân trong trường hợp trả kết quả không đúng hạn (Cục Thuế tỉnh).

d) Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 9.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	9.0	100%
2	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	9.0	100%
3	Kho bạc Nhà nước tỉnh	9.0	100%
4	Cục Hải quan tỉnh	7.0	77.8%
5	Cục Thuế tỉnh	7.0	77.8%
	Điểm số trung bình	8.2	91.1%

Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh đã thực hiện đầy đủ các nội dung về cải cách tổ chức bộ máy của cơ quan, có phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể theo quy định của ngành. Việc hoàn thiện đề án vị trí việc làm gắn với khung năng lực theo từng chức danh, vị trí công tác đã được các đơn vị triển khai và thực hiện theo đúng kế hoạch của ngành, các đơn vị thực hiện tốt tiêu chí này là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh. Cục Hải quan và Cục Thuế tỉnh chưa hoàn thiện vì chưa có hướng dẫn của Trung ương nên chưa đạt điểm tối đa ở tiêu chí này.

d) Chỉ số thành phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 18.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	17.5	97.2%
2	Cục Hải quan tỉnh	17.5	97.2%
3	Cục Thuế tỉnh	17.5	97.2%
4	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	17.0	94.4%
5	Kho bạc Nhà nước tỉnh	17.0	94.4%
	Điểm số trung bình	17.3	96.1%

Kết quả trung bình chung của Chỉ số xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Khối các cơ quan trung ương đạt 96.1%, cao hơn năm 2015 (94.4%), trong đó:

- Nhóm đạt Chỉ số cao hơn mức trung bình chung của Khối, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Hải quan, Cục Thuế tỉnh đều đạt 97.2%; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh cùng đạt 94.4%. *th*

- Các đơn vị đều thực hiện tốt công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức được các đơn vị thực hiện theo đúng quy định của ngành. Đồng thời việc thực hiện văn hóa công sở, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức được các đơn vị quan tâm và chỉ đạo thể hiện qua việc ban hành Quy chế văn hóa công sở theo quy định hiện hành, theo đó các đơn vị đã có nhiều giải pháp nhằm kiểm tra, giám sát việc thực hiện văn hóa công sở như kiểm tra đột xuất, định kỳ, gắn thẻ ra vào, chấm công bằng vân tay... cụ thể ở Cục Hải quan, Cục Thuế tỉnh.

Tuy nhiên, các cơ quan như: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh cần tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định, khắc phục một số mặt còn hạn chế trong thực hiện văn hóa công sở tại cơ quan như việc đeo băng tên, băng tên để bàn theo đúng quy định.

e) Chỉ số thành phần cải cách tài chính công:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 8.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	8.0	100%
2	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	8.0	100%
3	Cục Hải quan tỉnh	8.0	100%
4	Kho bạc Nhà nước tỉnh	8.0	100%
5	Cục Thuế tỉnh	8.0	100%
	Điểm số trung bình	8.0	100%

Kết quả trung bình chung của Chỉ số cải cách tài chính công của Khối các cơ quan trung ương là 100%. Tất cả các đơn vị thực hiện đầy đủ cơ chế tài chính theo quy định đặc thù của ngành về cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính và hàng năm có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Việc áp dụng cơ chế này đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh.

g) Chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 16.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Cục Thuế tỉnh	16.0	100%
2	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	15.0	93.8%
3	Cục Hải quan tỉnh	15.0	93.8%

4	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	14.5	90.6%
5	Kho bạc Nhà nước tỉnh	14.5	90.6%
	Điểm số trung bình	15.0	93.8%

Kết quả trung bình chung của Chỉ số thành phần về hiện đại hóa nền hành chính của Khối các cơ quan trung ương là 93.8%, cao hơn chỉ số năm 2015 (86.9%) trong đó:

Các đơn vị có kết quả bằng và cao hơn giá trị trung bình như: Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh đạt từ 93.8% đến 100%, đã thực hiện tốt nội dung hiện đại hóa nền hành chính, nhất là triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan (Cục Hải quan và Cục Thuế đã triển khai dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4).

Bên cạnh đó, Kho bạc Nhà nước tỉnh và Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh vì đặc thù riêng của ngành nên hai đơn vị đều không xây dựng Trang Thông tin điện tử riêng, điều này sẽ gây khó khăn trong việc công khai các thông tin về thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với tổ chức, công dân trên địa bàn tỉnh.

III. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016 CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC UBND TỈNH

1. Chỉ số cải cách hành chính năm 2016

Vị trí	Tên cơ quan	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định của Hội đồng	Xếp loại
1	Sở Tài chính	99.5	97.5	Xuất sắc
2	Ban Quản lý Khu kinh tế	97.5	96.0	Xuất sắc
3	Sở Thông tin và Truyền thông	98.0	95.0	Xuất sắc
4	Sở Công Thương	97.25	93.5	Xuất sắc
5	Thanh tra tỉnh	99.0	93.0	Xuất sắc
6	Sở Xây dựng	98.5	92.0	Xuất sắc
7	Văn phòng UBND tỉnh	96.0	91.0	Xuất sắc
8	Sở Nội vụ	93.0	90.5	Tốt

Vị trí	Tên cơ quan	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định của Hội đồng	Xếp loại
9	Sở Giao thông vận tải	90.5	89.5	Tốt
10	Sở Tư pháp	94.0	89.0	Tốt
11	Sở Y tế	94.0	88.5	Tốt
11	Sở Ngoại vụ	96.0	88.5	Tốt
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	87.5	87.5	Tốt
14	Sở Khoa học và Công nghệ	96.0	87.0	Tốt
14	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	94.0	87.0	Tốt
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	91.5	86.0	Tốt
17	Sở Văn hóa và Thể thao	81.5	78.5	Khá
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	89.0	78.5	Khá
19	Ban Dân tộc	98.0	77.0	Khá
20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	94.0	73.5	Khá
	Điểm số trung bình		88.0	

Giá trị trung bình của Khối các sở, ngành thuộc UBND tỉnh đạt 88.0% cao hơn so với kết quả năm 2015 đạt (81.7%), đặc biệt năm nay không có đơn vị nào đạt giá trị Chỉ số ở mức *Trung bình*.

Nhóm được đánh giá Chỉ số CCHC đạt *Xuất sắc* đã tăng lên đáng kể có 7 sở, ngành đạt từ 91.0% đến 97.5%: Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương, Thanh tra tỉnh, Sở Xây dựng, Văn phòng UBND tỉnh.

- Nhóm được đánh giá Chỉ số CCHC loại **Tốt**, đạt từ 86.0% đến 90.5% có 09 sở, ngành gồm các Sở: Nội vụ, Giao thông vận tải, Tư pháp, Y tế, Ngoại vụ, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Nhóm được đánh giá Chỉ số CCHC loại **Khá** đạt từ 73.0% đến 78.0% có 04 đơn vị gồm: Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Bảng so sánh kết quả Chỉ số cải cách hành chính 03 năm (2014, 2015 và 2016) của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh

S T T	Tên cơ quan	Chỉ số CCHC năm 2014	Chỉ số CCHC năm 2015	Chỉ số CCHC năm 2016	Giá trị tăng/giảm của năm 2016 so với năm 2015
1	Sở Tài chính	91.0	94.5	97.5	3.0
2	Ban Quản lý Khu kinh tế	91.5	90.0	96.0	6.0
3	Sở Thông tin và Truyền thông	83.0	90.0	95.0	5.0
4	Sở Công Thương	89.5	91.0	93.5	2.5
5	Thanh tra tỉnh	91.5	88.5	93.0	4.5
6	Sở Xây dựng	87.5	88.5	92.0	3.5
7	Văn phòng UBND tỉnh	85.5	70.5	91.0	20.5
8	Sở Nội vụ	91.0	88.5	90.5	2.0
9	Sở Giao thông vận tải	81.5	77.0	89.5	12.5
10	Sở Tư pháp	83.5	82.5	89.0	6.5
11	Sở Y tế	80.0	84.5	88.5	4.0
12	Sở Ngoại vụ	81.0	81.5	88.5	7.0
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	80.5	74.5	87.5	13.0
14	Sở Khoa học và Công nghệ	82.5	85.5	87.0	1.5
15	Sở Lao động - TB và XH	81.0	82.0	87.0	5.0
16	Sở Nông nghiệp và PTNT	82.0	83.0	86.0	3.0
17	Sở Văn hóa và Thể thao	73.0	73.0	78.5	5.5
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	73.5	63.0	78.5	15.5
19	Ban Dân tộc	80.5	81.5	77.0	-4.5
20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	88.0	63.5	73.5	10.0
	Giá trị trung bình	83.9	81.7	88.0	6.3

- Giá trị trung bình Chỉ số CCHC năm 2016 của Khối là 88.0%, tăng mạnh so với năm 2015 (81.7%);

Th

- Có 19/20 cơ quan đạt kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 tăng hơn so với kết quả năm 2015 (Chỉ số tăng từ 1.5 - 20.5 điểm); các cơ quan có mức tăng cao là: Văn phòng UBND tỉnh (tăng 20.5 điểm), Sở Tài nguyên và Môi trường (tăng 15.5 điểm), Sở Giao thông vận tải (tăng 12.5 điểm), Sở Kế hoạch và Đầu tư (tăng 10 điểm),... Chỉ số thành phần chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, chỉ số thành phần cải cách thể chế, Chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính là những tiêu chí mà các đơn vị đều có kết quả chỉ số tăng đều so với năm 2015.

- Có 01/20 cơ quan đạt kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 giảm so với kết quả năm 2015: Ban Dân tộc (giảm 4.5 điểm).

2. Kết quả các Chỉ số thành phần

a) Chỉ số thành phần chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 20.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Sở Tài chính	19.0	95.0%
2	Ban Quản lý Khu kinh tế	19.0	95.0%
3	Văn phòng UBND tỉnh	19.0	95.0%
4	Sở Nội vụ	19.0	95.0%
5	Sở Nông nghiệp và PTNT	18.5	92.5%
6	Sở Thông tin và Truyền thông	18.0	90.0%
7	Sở Ngoại vụ	18.0	90.0%
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	18.0	90.0%
9	Sở Lao động – TB & XH	18.0	90.0%
10	Sở Công Thương	17.0	85.0%
11	Sở Giao thông vận tải	17.0	85.0%
12	Sở Khoa học và Công nghệ	16.5	82.5%
13	Thanh tra tỉnh	16.0	80.0%
14	Sở Xây dựng	16.0	80.0%
15	Sở Tư pháp	16.0	80.0%
16	Sở Y tế	16.0	80.0%
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	13.0	65.0%
18	Ban Dân tộc	10.5	52.5%

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 20.0 điểm)	Chỉ số thành phần
19	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10.0	50.0%
20	Sở Văn hóa và Thể thao	8.0	40.0%
	Điểm số trung bình	16.1	80.6%

Giá trị trung bình của Chỉ số là 80.6%, tăng mạnh hơn so với năm 2015 là 67.3%.

- Có 12 cơ quan đạt cao hơn giá trị trung bình đạt kết quả từ 82.5% đến 95%; Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Ban Quản lý kinh tế, Văn phòng UBND tỉnh là những đơn vị làm tốt công tác chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính.

- Có 08 cơ quan có giá trị thấp hơn giá trị trung bình là các sở, ngành: Thanh tra tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Tư pháp. Trong đó có những cơ quan còn nhiều hạn chế trong công tác chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính như các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa và Thể thao, Ban Dân tộc, Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Chỉ số thành phần cải cách thể chế:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 6.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Sở Tài chính	6.0	100%
2	Ban Quản lý Khu kinh tế	6.0	100%
3	Sở Thông tin và Truyền thông	6.0	100%
4	Sở Công Thương	6.0	100%
5	Thanh tra tỉnh	6.0	100%
6	Văn phòng UBND tỉnh	6.0	100%
7	Sở Nội vụ	6.0	100%
8	Sở Giao thông vận tải	6.0	100%
9	Sở Tư pháp	6.0	100%
10	Sở Y tế	6.0	100%
11	Sở Nông nghiệp và PTNT	6.0	100%
12	Sở Văn hóa và Thể thao	6.0	100%

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 6.0 điểm)	Chỉ số thành phần
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	6.0	100%
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	5.5	91.7%
15	Sở Xây dựng	5.0	83.3%
16	Sở Ngoại vụ	5.0	83.3%
17	Sở Khoa học và Công nghệ	5.0	83.3%
18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5.0	83.3%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	5.0	83.3%
20	Ban Dân tộc	4.0	66.7%
	Điểm số trung bình	5.6	93.8%

Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần cải cách thể chế đạt 93.8%, cao hơn so với năm 2015 là 87.1%; trong đó có 13 sở, ngành đạt 100% vì đã làm tốt công tác tham mưu cho HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật và rà soát, hệ thống hóa, triển khai văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu đề ra.

- Có 07/20 sở, ngành đạt từ 66.7% đến 91.7%. Trong năm 2016 Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp) đã tiến hành kiểm tra theo thẩm quyền đối với các văn bản QPPL do HĐND và UBND của tỉnh Bình Định ban hành; theo đó những văn bản do các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu ban hành có nội dung, thể thức sai quy định.

c) Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 23.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Thanh tra tỉnh	23.0	100%
2	Sở Giao thông vận tải	23.0	100%
3	Sở Y tế	23.0	100%
4	Sở Xây dựng	22.5	97.8%
5	Sở Tài chính	22.0	95.7%
6	Văn phòng UBND tỉnh	22.0	95.7%

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 23.0 điểm)	Chỉ số thành phần
7	Sở Thông tin và Truyền thông	21.5	93.5%
8	Ban Quản lý Khu kinh tế	21.0	91.3%
9	Sở Nội vụ	21.0	91.3%
10	Sở Tư pháp	21.0	91.3%
11	Sở Văn hóa và Thể thao	21.0	91.3%
12	Sở Khoa học và Công nghệ	20.5	89.1%
13	Sở Công Thương	20.0	87.0%
14	Sở Ngoại vụ	20.0	87.0%
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	20.0	87.0%
16	Sở Nông nghiệp và PTNT	19.5	84.8%
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	18.0	78.3%
18	Ban Dân tộc	18.0	78.3%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	16.5	71.7%
20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	16.0	69.6%
	Điểm số trung bình	20.5	89.0%

Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính đạt 89.0%, cao hơn so với năm 2015 là 81.4%.

Các Sở, ngành: Giao thông vận tải, Y tế, Thanh tra tỉnh đã triển khai thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính và cơ chế một cửa theo quy định.

So với kết quả năm 2015, năm 2016 có 100% cơ quan, đơn vị đã triển khai việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Văn phòng UBND tỉnh và Sở Kế hoạch đầu tư đã thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định, tuy nhiên số lượng TTHC được đưa vào giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả còn hạn chế.

Có thể thấy việc thực hiện cơ chế một cửa tại các sở, ngành trong năm nay đã có sự chuyển biến rõ rệt, mặc dù một số đơn vị chưa thực hiện đầy đủ theo quy định nhưng bước đầu đã có sự quan tâm của Lãnh đạo đơn vị trong việc triển khai thực hiện cơ chế một cửa. Tuy nhiên, qua thẩm định tại các đơn vị vẫn còn một số tồn tại vẫn chưa khắc phục được như việc bố trí phòng làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa đúng theo quy định ở tại hầu hết các đơn vị như: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Ngoại vụ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở

 13

Công Thương, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Kế hoạch và Đầu tư...; tình trạng trễ hạn hồ sơ vẫn còn xảy ra ở một số đơn vị như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội...

d) Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 9.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Sở Tài chính	9.0	100%
2	Ban Quản lý Khu kinh tế	9.0	100%
3	Sở Thông tin và Truyền thông	9.0	100%
4	Sở Công Thương	9.0	100%
5	Thanh tra tỉnh	9.0	100%
6	Sở Tư pháp	9.0	100%
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	9.0	100%
8	Sở Văn hóa và Thể thao	9.0	100%
9	Ban Dân tộc	9.0	100%
10	Sở Xây dựng	8.5	94.4%
11	Văn phòng UBND tỉnh	7.0	77.8%
12	Sở Nội vụ	7.0	77.8%
13	Sở Ngoại vụ	7.0	77.8%
14	Sở Khoa học và Công nghệ	7.0	77.8%
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	7.0	77.8%
16	Sở Nông nghiệp và PTNT	7.0	77.8%
17	Sở Giao thông vận tải	6.0	66.7%
18	Sở Y tế	6.0	66.7%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	6.0	66.7%
20	Sở Kế hoạch và Đầu tư	6.0	66.7%
	Điểm số trung bình	7.8	86.4%

Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy đạt 86.4%, thấp hơn so với năm 2015 là 92.5%.

Có 09/20 cơ quan đạt điểm tối đa: Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc, Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp.

Các cơ quan, đơn vị thuộc nhóm đạt kết quả thấp như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế là những đơn vị cần khắc phục những hạn chế trong việc tổ chức tham mưu ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Có 10/20 cơ quan, đơn vị đã triển khai hoàn thiện Đề án vị trí việc làm gắn với khung năng lực theo từng vị trí, chức danh: Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Dân tộc, Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Xây dựng.

d) Chỉ số thành phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 18.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Sở Ngoại vụ	18.0	100%
2	Sở Tài chính	17.5	97.2%
3	Ban Quản lý Khu kinh tế	17.5	97.2%
4	Sở Công Thương	17.5	97.2%
5	Sở Xây dựng	17.5	97.2%
6	Sở Nội vụ	17.5	97.2%
7	Sở Giao thông vận tải	17.5	97.2%
8	Văn phòng UBND tỉnh	17.0	94.4%
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	17.0	94.4%
10	Ban Dân tộc	17.0	94.4%
11	Sở Thông tin và Truyền thông	16.5	91.7%
12	Sở Tư pháp	16.5	91.7%
13	Thanh tra tỉnh	16.0	88.9%
14	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	16.0	88.9%
15	Sở Văn hóa và Thể thao	16.0	88.9%

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 18.0 điểm)	Chỉ số thành phần
16	Sở Khoa học và Công nghệ	15.5	86.1%
17	Sở Y tế	15.0	83.3%
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	15.0	83.3%
19	Sở Kế hoạch và Đầu tư	15.0	83.3%
20	Sở Nông nghiệp và PTNT	14.5	80.6%
	Điểm số trung bình	16.5	91.7%

Kết quả trung bình chung của Chỉ số nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức năm 2016 là 91.7% cao hơn so với năm 2015 là 89.4%. Trong đó, có 10/20 cơ quan đạt chỉ số cao hơn mức trung bình; các cơ quan như: Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện tương đối tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức.

- Nhóm các sở, ngành đạt Chỉ số bằng và cao hơn mức trung bình chung của Khối: Có 12/20 sở ngành đạt điểm chỉ số từ 91.7% - 100%.

- Nhóm các sở, ngành đạt Chỉ số thấp hơn mức trung bình chung của Khối, có 08 đơn vị đạt kết quả từ 80.6% đến 88.9%. Trong đó Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đơn vị có chỉ số thành phần thấp nhất của toàn khối (80.6%).

- Hầu hết các đơn vị đều thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng biên chế và lao động được giao theo đúng quy định; thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của đơn vị đúng, đầy đủ, kịp thời. Tuy nhiên việc triển khai thực hiện văn hóa công sở tại một số cơ quan chưa đầy đủ như việc đeo thẻ công chức vẫn còn mang tính đối phó, chưa đúng quy định... tình trạng công chức, viên chức được phân công nhưng không tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của tỉnh vẫn còn xảy ra ở một số cơ quan, đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Thanh tra tỉnh, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo...

e) Chỉ số thành phần cải cách tài chính công:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 8.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Sở Tài chính	8.0	100%

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 8.0 điểm)	Chỉ số thành phần
2	Ban Quản lý Khu kinh tế	8.0	100%
3	Sở Thông tin và Truyền thông	8.0	100%
4	Sở Công Thương	8.0	100%
5	Thanh tra tỉnh	8.0	100%
6	Sở Xây dựng	8.0	100%
7	Văn phòng UBND tỉnh	8.0	100%
8	Sở Nội vụ	8.0	100%
9	Sở Giao thông vận tải	8.0	100%
10	Sở Y tế	8.0	100%
11	Sở Ngoại vụ	8.0	100%
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	8.0	100%
13	Sở Khoa học và Công nghệ	8.0	100%
14	Sở Lao động – Thương binh & xã hội	8.0	100%
15	Sở Nông nghiệp và PTNT	8.0	100%
16	Sở Văn hóa và Thể thao	8.0	100%
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	8.0	100%
18	Ban Dân tộc	8.0	100%
19	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8.0	100%
20	Sở Tư pháp	7.0	87.5%
	Điểm số trung bình	7.9	99.4%

Giá trị trung bình của chỉ số thành phần cải cách tài chính công đạt 99.4%, 19/20 sở ngành đạt chỉ số tối đa (100%), Sở Tư pháp đạt 87.5% là đơn vị có chỉ số thành phần thấp nhất toàn khối.

g) Chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính:

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 16.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Sở Tài chính	16.0	100%
2	Sở Thông tin và Truyền thông	16.0	100%
3	Sở Công Thương	16.0	100%
4	Ban Quản lý Khu kinh tế	15.5	96.9%

STT	Tên cơ quan	Điểm đạt được (tối đa 16.0 điểm)	Chỉ số thành phần
5	Thanh tra tỉnh	15.0	93.8%
6	Sở Xây dựng	14.5	90.6%
7	Sở Y tế	14.5	90.6%
8	Sở Khoa học và Công nghệ	14.5	90.6%
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	14.0	87.5%
10	Sở Tư pháp	13.5	84.4%
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	13.0	81.3%
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	13.0	81.3%
13	Sở Ngoại vụ	12.5	78.1%
14	Sở Nông nghiệp và PTNT	12.5	78.1%
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	12.5	78.1%
16	Văn phòng UBND tỉnh	12.0	75.0%
17	Sở Nội vụ	12.0	75.0%
18	Sở Giao thông vận tải	12.0	75.0%
19	Sở Văn hóa và Thể thao	10.5	65.6%
20	Ban Dân tộc	10.5	65.6%
	Điểm số trung bình	13.5	84.4%

Giá trị trung bình năm 2016 của Khối là 84.4%, cao hơn so với kết quả năm 2015 (77.5%).

- Có 10/20 đơn vị có kết quả bằng và cao hơn giá trị trung bình, đạt từ 84.4% đến 100%, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông là 03 đơn vị có chỉ số tối đa đạt 100%.

- Có 10/20 đơn vị có kết quả thấp hơn giá trị trung bình, đạt từ 65.6% đến 81.3%; Sở Văn hóa và Thể thao, Ban Dân tộc là đơn vị có kết quả thấp nhất.

Hầu hết các đơn vị đã thực hiện tốt công tác hiện đại hóa nền hành chính. 100% đơn vị đã xây dựng Trang Thông tin điện tử, tỷ lệ sử dụng thư điện tử công vụ của cán bộ, công chức tăng hơn so với năm 2015. Tuy nhiên năm 2016 việc thủ trưởng đơn vị bút phê và chuyển văn bản trên hệ thống Văn phòng điện tử vẫn còn chưa được quan tâm triển khai như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc.



Việc cập nhật công khai thủ tục hành chính trên Cổng/Trang Thông tin điện tử các sở, ngành và của tỉnh chưa được kịp thời và thường xuyên; tỷ lệ cơ quan triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên còn thấp. Sở Tài chính và Ban Quản lý khu kinh tế là hai đơn vị đã triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

IV. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

1. Chỉ số cải cách hành chính năm 2016

Vị trí	Tên địa phương	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định của Hội đồng	Xếp loại
1	Huyện Tuy Phước	90.0	84.5	Tốt
2	Thành phố Quy Nhơn	94.5	84.0	Tốt
3	Thị xã An Nhơn	92.0	82.5	Tốt
4	Huyện Vĩnh Thạnh	84.5	80.0	Khá
5	Huyện Hoài Nhơn	88.5	79.0	Khá
6	Huyện An Lão	90.5	75.5	Khá
7	Huyện Hoài Ân	84.0	75.0	Khá
7	Huyện Phù Cát	97.0	75.0	Khá
9	Huyện Tây Sơn	90.0	74.0	Khá
10	Huyện Phù Mỹ	87.0	73.5	Khá
11	Huyện Vân Canh	71.0	51.5	Trung bình
	Điểm số trung bình		75.9	

Kết quả Chỉ số bình quân chung của các huyện, thị xã, thành phố đạt 75.9%.

Cụ thể theo kết quả thẩm định, có 05/11 địa phương đạt kết quả trên mức trung bình chung của Khối đạt từ 79.0% - 84.5%.

Nhóm địa phương được đánh giá mức *Tốt* gồm 03 đơn vị: huyện Tuy Phước, thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn.

Nhóm địa phương được đánh giá mức *Khá* gồm có 07 đơn vị: Vĩnh Thạnh, Hoài Nhơn, An Lão, Hoài Ân, Phù Cát, Tây Sơn, Phù Mỹ.

Huyện Vân Canh là địa phương trong 04 năm liên tiếp đánh giá ở mức thấp nhất của toàn khối, năm 2015 (56.5%), 2016 (51.5%) đánh giá ở mức *Trung bình*.

Về kết quả giá trị trung bình của 07 chỉ số thành phần đều có kết quả chênh lệch so với năm 2015, có 04 chỉ số thành phần tăng: Chỉ số thành phần chỉ đạo,

điều hành cải cách hành chính đạt 81.4% (năm 2015: 73.6%); Chỉ số thành phần cải cách thể chế đạt 95.5% (năm 2015: 84.1%); Chỉ số thành phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt 81.6% (năm 2015: 77.8%); Chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính đạt 66.2% (năm 2015: 58.0%).

Có 03 tiêu chí thành phần giảm so với năm 2015: Tiêu chí thành phần cải cách thủ tục hành chính đạt 69.0% (năm 2015: 73.3%), tiêu chí thành phần cải cách tổ chức bộ máy đạt 73.2% (năm 2015: 89.9%), tiêu chí thành phần cải cách tài chính công đạt 76.7% (năm 2015: 86.9%).

Bảng so sánh kết quả Chỉ số cải cách hành chính 03 năm (2014, 2015, 2016) của các huyện, thị xã, thành phố

STT	Tên địa phương	Chỉ số CCHC năm 2014	Chỉ số CCHC năm 2015	Chỉ số CCHC năm 2016	Giá trị tăng/giảm của năm 2016 so với năm 2015
1	Huyện Tuy Phước	81.5	82.0	84.5	2.5
2	Thành phố Quy Nhơn	83.5	88.0	84.0	-4.0
3	Thị xã An Nhơn	82.0	84.0	82.5	-1.5
4	Huyện Vĩnh Thạnh	75.5	72.0	80.0	8.0
5	Huyện Hoài Nhơn	81.0	76.0	79.0	3.0
6	Huyện An Lão	81.5	80.0	75.5	-4.5
7	Huyện Hoài Ân	74.0	61.5	75.0	13.5
8	Huyện Phù Cát	72.0	77.0	75.0	-2.0
9	Huyện Tây Sơn	74.5	74.5	74.0	-0.5
10	Huyện Phù Mỹ	81.0	73.0	73.5	0.5
11	Huyện Vân Canh	65.5	56.5	51.5	-5.0
	Giá trị trung bình	77.5	75.0	75.9	0.9

- Giá trị trung bình Chỉ số CCHC năm 2016 là 75.9% tăng hơn so với kết quả năm 2015 (75.0%) nhưng không đáng kể. Năm 2016 vẫn không có đơn vị nào trong Khối được đánh giá đạt mức *Xuất sắc*. *Ư*

- Có 05/11 địa phương đạt kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 tăng hơn so với kết quả năm 2015; các địa phương có mức tăng cao là: huyện Hoài Ân (tăng 13.5 điểm), huyện Vĩnh Thạnh (tăng 8 điểm), huyện Hoài Nhơn (tăng 3 điểm).

- Có 06/11 địa phương đạt kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 giảm so với kết quả năm 2015; các địa phương có mức giảm mạnh là: Huyện Vân Canh (giảm 5 điểm), huyện An Lão (giảm 4.5 điểm), thành phố Quy Nhơn (giảm 4 điểm).

2. Kết quả các Chỉ số thành phần

a) Chỉ số thành phần chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

STT	Tên địa phương	Điểm đạt được (tối đa 20.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Thị xã An Nhơn	19.0	95.0%
2	Huyện Vĩnh Thạnh	19.0	95.0%
3	Huyện Tuy Phước	18.0	90.0%
4	Huyện An Lão	18.0	90.0%
5	Huyện Hoài Ân	18.0	90.0%
6	Huyện Hoài Nhơn	17.5	87.5%
7	Huyện Phù Cát	17.5	87.5%
8	Huyện Tây Sơn	16.0	80.0%
9	Thành phố Quy Nhơn	15.0	75.0%
10	Huyện Phù Mỹ	12.0	60.0%
11	Huyện Vân Canh	9.0	45.0%
	Điểm số trung bình	16.3	81.4%

Kết quả đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành của Khối các huyện, thị xã, thành phố đã có nhiều chuyển biến tích cực với giá trị trung bình đạt 81.4% tăng hơn so với năm 2015 (73.6%), trong đó có 7/11 địa phương đạt mức cao hơn giá trị trung bình. Các huyện: Phù Mỹ, Vân Canh, Tây Sơn và thành phố Quy Nhơn là những địa phương có kết quả chỉ số thấp hơn so với kết quả trung bình chung của toàn Khối.

Công tác kiểm tra cải cách hành chính một số địa phương vẫn chưa triển khai thực hiện tốt, vẫn còn mang tính hình thức, chưa xây dựng đề cương cho những nội dung cần kiểm tra nhằm mang lại hiệu quả trong công tác chỉ đạo điều hành như các địa phương: Phù Mỹ, Vân Canh, Phù Cát, Hoài Nhơn, Quy Nhơn...

b) Chỉ số thành phần cải cách thể chế:

STT	Tên địa phương	Điểm đạt được (tối đa 6.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Huyện Tuy Phước	6.0	100%
2	Thành phố Quy Nhơn	6.0	100%
3	Thị xã An Nhơn	6.0	100%
4	Huyện Vĩnh Thạnh	6.0	100%
5	Huyện Hoài Nhơn	6.0	100%
6	Huyện Hoài Ân	6.0	100%
7	Huyện Phù Cát	6.0	100%
8	Huyện Phù Mỹ	6.0	100%
9	Huyện An Lão	5.0	83.3%
10	Huyện Tây Sơn	5.0	83.3%
11	Huyện Vân Canh	5.0	83.3%
	Điểm số trung bình	5.7	95.5%

Kết quả chỉ số trung bình đạt 95.5% cao hơn năm 2015 (84.1%), trong đó có 08/11 địa phương đạt 100%.

Các địa phương An Lão, Tây Sơn, Vân Canh chưa thực hiện tốt việc rà soát văn bản QPPL của địa phương hàng năm và chất lượng văn bản địa phương ban hành chưa đảm bảo.

c) Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính:

STT	Tên địa phương	Cải cách TTHC (tối đa 23 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Thành phố Quy Nhơn	21.0	91.3%
2	Huyện Vĩnh Thạnh	20.0	87.0%
3	Huyện Tuy Phước	18.5	80.4%
4	Thị xã An Nhơn	16.0	69.6%
5	Huyện Hoài Nhơn	16.0	69.6%
6	Huyện Hoài Ân	15.0	65.2%
7	Huyện Tây Sơn	15.0	65.2%
8	Huyện Phù Mỹ	15.0	65.2%

STT	Tên địa phương	Cải cách TTHC (tối đa 23 điểm)	Chỉ số thành phần
9	Huyện An Lão	14.5	63.0%
10	Huyện Phù Cát	12.5	54.3%
11	Huyện Vân Canh	11.0	47.8%
	Điểm số trung bình	15.9	69.0%

Giá trị trung bình của chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính năm 2016 là 69.0%, thấp hơn so với năm 2015 (đạt 73.3%).

Có 05/11 địa phương có kết quả chỉ số thành phần cao hơn so với Khối: Thành phố Quy Nhơn, huyện Vĩnh Thạnh, huyện Tuy Phước, thị xã An Nhơn, huyện Hoài Nhơn.

Nhìn chung các địa phương đã thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và triển khai thực hiện cơ chế một cửa tại UBND cấp huyện. Thành phố Quy Nhơn và huyện Tuy Phước đã thực hiện Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo hướng hiện đại; huyện Hoài Nhơn đã phê duyệt Đề án và thành lập Bộ phận một cửa hiện đại.

Tuy nhiên, việc công khai thủ tục hành chính tại nhiều địa phương chưa đảm bảo; hầu hết các địa phương đều chưa thực hiện đầy đủ các lĩnh vực giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện theo quy định nhất là các lĩnh vực: Nội vụ, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tư pháp như: Phù Mỹ, An Nhơn, Hoài Nhơn, Phù Cát, Hoài Ân...

Các địa phương như: Thị xã An Nhơn, huyện An Lão, huyện Phù Cát, huyện Tây Sơn... chưa trang bị cơ sở vật chất, diện tích phòng làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa đảm bảo theo quy định.

Hầu hết các địa phương (trừ thành phố Quy Nhơn) đều có tỷ lệ UBND cấp xã thực hiện cơ chế một cửa còn thấp theo quy định như: Huyện Tây Sơn (11/15), huyện Phù Mỹ (4/19), huyện Phù Cát (7/18), huyện Hoài Nhơn (6/17), huyện Hoài Ân (3/15), huyện An Lão (chưa có xã, thị trấn thực hiện).

d) Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy:

STT	Tên địa phương	Điểm đạt được (tối đa 9.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Huyện Tuy Phước	7.5	83.3%
2	Thị xã An Nhơn	7.0	77.8%
3	Huyện Vĩnh Thạnh	7.0	77.8%

gh

STT	Tên địa phương	Điểm đạt được (tối đa 9.0 điểm)	Chỉ số thành phần
4	Huyện Hoài Nhơn	7.0	77.8%
5	Huyện An Lão	7.0	77.8%
6	Huyện Phù Cát	7.0	77.8%
7	Huyện Phù Mỹ	7.0	77.8%
8	Huyện Hoài Ân	6.5	72.2%
9	Huyện Tây Sơn	6.0	66.7%
10	Huyện Vân Canh	5.5	61.1%
11	Thành phố Quy Nhơn	5.0	55.6%
	Điểm số trung bình	6.6	73.2%

Kết quả Chỉ số trung bình của toàn khối đạt 73.2% thấp hơn năm 2015 (89.9%). Các địa phương đều thực hiện tốt việc ban hành, thực hiện quy chế làm việc của đơn vị. Hầu hết các địa phương (trừ huyện Tuy Phước) chưa hoàn thiện Đề án vị trí việc làm gắn với khung năng lực theo từng vị trí chức danh công tác.

Vẫn còn một số địa phương chưa thực hiện tốt trong việc phân cấp về thẩm quyền quản lý phù hợp với quy định, chưa kiểm tra sau phân cấp (thành phố Quy Nhơn, huyện Tây Sơn, huyện Tuy Phước).

đ) Chỉ số thành phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

STT	Địa phương	Điểm đạt được (tối đa 18.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Thị xã An Nhơn	16.5	91.7%
2	Huyện An Lão	15.5	86.1%
3	Huyện Phù Cát	15.5	86.1%
4	Thành phố Quy Nhơn	15.0	83.3%
5	Huyện Hoài Nhơn	15.0	83.3%
6	Huyện Tây Sơn	15.0	83.3%
7	Huyện Phù Mỹ	15.0	83.3%
8	Huyện Tuy Phước	14.5	80.6%
9	Huyện Vĩnh Thạnh	14.5	80.6%
10	Huyện Hoài Ân	14.5	80.6%

11	Huyện Vân Canh	10.5	58.3%
	Điểm số trung bình	14.7	81.6%

Giá trị trung bình của chỉ số thành phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức năm 2016 là 81.6% cao hơn so với năm 2015 (77.8%).

Hầu hết các đơn vị đều thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng biên chế được giao đúng quy định; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác được các địa phương quan tâm, chú trọng. Tuy nhiên việc thực hiện văn hóa công sở ở một số địa phương vẫn còn nhiều hạn chế như việc đeo thẻ công chức, thực hiện giờ giấc làm việc tại cơ quan vẫn còn vi phạm nhất là ở cấp xã.

e) Chỉ số thành phần cải cách tài chính công:

STT	Tên địa phương	Điểm đạt được (tối đa 8.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Thị xã An Nhơn	7.0	87.5%
2	Huyện Phù Cát	7.0	87.5%
3	Huyện Phù Mỹ	7.0	87.5%
4	Thành phố Quy Nhơn	6.5	81.3%
5	Huyện Hoài Nhơn	6.5	81.3%
6	Huyện Hoài Ân	6.5	81.3%
7	Huyện Tuy Phước	6.0	75.0%
8	Huyện Tây Sơn	6.0	75.0%
9	Huyện Vân Canh	6.0	75.0%
10	Huyện An Lão	5.0	62.5%
11	Huyện Vĩnh Thạnh	4.0	50.0%
	Điểm số trung bình	6.1	76.7%

Kết quả trung bình chung của Chỉ số cải cách tài chính công của Khối là 76.7% thấp hơn so với năm 2015 (86.9%).

Thành phố Quy Nhơn, các huyện: Hoài Nhơn, An Lão, Vĩnh Thạnh, Tây Sơn chưa triển khai cơ chế tài chính đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định. Các huyện, thị xã, thành phố đều chưa triển khai thực hiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị hành chính cấp xã.

Yh

g) Chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính:

STT	Tên địa phương	Điểm đạt được (tối đa 16.0 điểm)	Chỉ số thành phần
1	Thành phố Quy Nhơn	15.5	96.9%
2	Huyện Tuy Phước	14.0	87.5%
3	Huyện Phù Mỹ	11.5	71.9%
4	Thị xã An Nhơn	11.0	68.8%
5	Huyện Hoài Nhơn	11.0	68.8%
6	Huyện Tây Sơn	11.0	68.8%
7	Huyện An Lão	10.5	65.6%
8	Huyện Vĩnh Thạnh	9.5	59.4%
9	Huyện Phù Cát	9.5	59.4%
10	Huyện Hoài Ân	8.5	53.1%
11	Huyện Vân Canh	4.5	28.1%
	Điểm số trung bình	10.6	66.2%

Kết quả cho thấy Chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính là rất thấp, chủ yếu ở các tiêu chí: số lượng cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ chỉ đạt từ 40% đến 60% (thấp nhất là huyện Vân Canh); việc triển khai ứng dụng Văn phòng điện tử vào điều hành tại cơ quan, đơn vị chưa đạt hiệu quả, đặc biệt chưa thực hiện bút phê văn bản trên môi trường mạng, có 03 đơn vị chưa triển khai ứng dụng Văn phòng điện tử vào điều hành tại địa phương (Vĩnh Thạnh, Hoài Ân, Vân Canh). Chất lượng cung cấp thông tin và cung ứng dịch vụ công trên Trang Thông tin điện tử của nhiều cơ quan, đơn vị còn hạn chế; việc triển khai dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 mới chỉ được triển khai thực hiện tại thành phố Quy Nhơn và huyện Tuy Phước. Các địa phương đã kịp thời công bố Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008, tuy nhiên hầu hết các đơn vị chưa thực hiện theo đúng quy định về áp dụng ISO trong hoạt động.

Giá trị trung bình của chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính năm 2016 của Khối là 66.2% cao hơn so với kết quả năm 2015 (58.0%).

- Có 06/11 địa phương có kết quả bằng và cao hơn giá trị trung bình, đạt từ 68.8% đến 96.9%, thành phố Quy Nhơn là đơn vị đạt kết quả cao nhất; 

- Có 05/11 địa phương có kết quả thấp hơn giá trị trung bình, đạt từ 28.1% đến 65.6%, huyện Vân Canh và huyện Hoài Ân là hai địa phương đạt kết quả thấp nhất.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Kết quả đánh giá xác định Chỉ số CCHC đã phản ánh tương đối khách quan, thực chất tình hình triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện và là nguồn thông tin quan trọng giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương đánh giá được các mặt mạnh, mặt yếu, từ đó có tác động tích cực đến công tác chỉ đạo điều hành CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong những năm tiếp theo.

- Việc tổ chức công tác tự đánh giá, chấm điểm đã được các sở, ban, ngành, địa phương tiến hành nghiêm túc, khách quan, tương đối chính xác dựa trên căn cứ, tài liệu kiểm chứng, nội dung giải thích có độ tin cậy. Công tác kiểm tra, thẩm định kết quả Chỉ số cải cách hành chính được Hội đồng thẩm định của tỉnh thực hiện đảm bảo chính xác, khách quan, công bằng, tạo được đồng thuận của các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng đánh giá.

- Nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương đã quan tâm chỉ đạo điều hành công tác cải cách hành chính đã có nhiều chuyển biến tích cực như: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng, huyện Tuy Phước, huyện Vĩnh Thạnh, huyện Hoài Nhơn... Do đó kết quả Chỉ số trung bình của ba Khối đều tăng hơn so với năm 2015.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc phối hợp giữa các cơ quan tham mưu CCHC và các cơ quan liên quan chưa chặt chẽ nên ảnh hưởng đến công tác thẩm định, tổng hợp số liệu để hoàn thiện báo cáo trình UBND tỉnh theo đúng tiến độ.

- Mặc dù đã bổ sung, xây dựng lại một số tiêu chí, tiêu chí thành phần cho phù hợp với từng Khối nhưng vẫn còn một số tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa cụ thể, chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị.

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm chỉ đạo chặt chẽ trong triển khai đánh giá Chỉ số CCHC hàng năm nên báo cáo chấm điểm còn sơ sài, chưa bám sát theo hướng dẫn của bộ tiêu chí nên điểm chấm còn chênh lệch quá cao so với kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định như: Sở Tài nguyên và Môi trường

yn
27

trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc; UBND các huyện: Tây Sơn, Vân Canh, An Lão, Phù Cát, Phù Mỹ...

- Giá trị trung bình Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của cả ba khối đều tăng so với kết quả năm 2015, tuy nhiên Chỉ số thành phần ở một số tiêu chí vẫn còn thấp so như: Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính, Chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính, Chỉ số thành phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Một số cơ quan, địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính; triển khai công tác cải cách hành chính thiếu đồng bộ nên Chỉ số cải cách hành chính còn thấp so với kết quả của toàn Khối như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa và Thể thao, Ban Dân tộc, huyện An Lão, huyện Phù Cát, đặc biệt huyện Vân Canh trong 4 năm liên đều xếp ở vị trí cuối cùng của Khối các huyện, thị xã, thành phố.

- Nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương chưa bố trí đủ nhân lực, kinh phí để đảm bảo triển khai công tác cải cách hành chính hàng năm tại đơn vị; công tác phổ biến, thông tin, tuyên truyền, kiểm tra về cải cách hành chính chưa được quan tâm đúng mức.

- Nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí diện tích phòng làm việc, cơ sở vật chất, mức độ hiện đại hóa của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa đạt yêu cầu; chất lượng phục vụ chưa đáp ứng được sự hài lòng của tổ chức, công dân.

- Trong lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy: Thực hiện phân cấp, ủy quyền, cơ chế phối hợp, tiến hành kiểm tra sau phân cấp vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý. Vẫn còn nhiều cơ quan, đơn vị chưa hoàn thiện Đề án vị trí việc làm gắn với khung năng lực theo từng vị trí, chức danh theo như kế hoạch.

- Về xây dựng, nâng cao đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Nhiều cơ quan chưa thực hiện tốt các nội dung về văn hóa công sở như đeo thẻ công chức chưa đúng quy định; một số cơ quan vẫn còn vi phạm giờ giấc làm việc, đặc biệt là UBND cấp xã.

- Về cải cách tài chính công: Việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính vẫn chưa thực hiện đầy đủ tại một số đơn vị sự nghiệp công lập ở cấp huyện như: huyện An Lão, thành phố Quy Nhơn, huyện Hoài Nhơn, huyện Vĩnh Thạnh, huyện Tây Sơn... và thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ tại cơ quan hành chính cấp xã vẫn chưa được triển khai. 

- Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý của nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã có sự quan tâm, tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế trên một số tiêu chí như: Tỷ lệ sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc còn thấp (đạt từ 60% - 70%); việc Thủ trưởng đơn vị bút phê và chuyển văn bản trên hệ thống Văn phòng điện tử vẫn còn chưa được quan tâm triển khai như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc; tỷ lệ cơ quan triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên còn thấp.

- Nhiều cơ quan chưa triển khai tốt việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định; đặc biệt là UBND cấp xã hầu hết đều chưa triển khai thực hiện.

V. MỘT SỐ NỘI DUNG CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Các sở, ban, ngành, các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ trong công tác triển khai kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm để kết quả cải cách hành chính được xác định chính xác, công khai và kịp thời công bố đúng thời gian quy định.

- Các sở, ban, ngành, các cơ quan trung ương trên địa tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai phối hợp phổ biến tuyên truyền kết quả về Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 đến từng cán bộ, công chức, viên chức. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, biện pháp cần thiết trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính cho những năm tiếp theo.

- Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, bố trí cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, có khả năng giao tiếp tốt đáp ứng được yêu cầu nâng cao năng lực hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông để làm tốt công tác cải cách thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến. Đồng thời, các sở, ngành tập trung tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố đầy đủ các Bộ thủ tục hành chính của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Tổ chức theo dõi, tự kiểm tra, đánh giá Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị một cách nghiêm túc, thực chất để việc đánh giá Chỉ số cải cách hành chính hàng năm đảm bảo khách quan, thực chất. 

2. Sở Nội vụ

- Trên cơ sở rút kinh nghiệm trong triển khai xác định Chỉ số CCHC 4 năm vừa qua, giao Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương, tiếp tục nghiên cứu đề nghị UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện để đánh giá kết quả triển khai CCHC tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã thực chất, hiệu quả hơn.

- Giúp UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, địa phương triển khai thực hiện các giải pháp để nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, nhất là đối với các cơ quan, địa phương xếp loại khá và trung bình./.